

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-KTKT, ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Mã ngành: 6620129

Trình độ đào tạo: Cao đẳng.

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Quản lý và kinh doanh nông nghiệp nhằm đào tạo sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe, có ý thức về chính trị, có kiến thức, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp như trực tiếp sản xuất, kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ; và khả năng nghiên cứu, tự học, tự cập nhật thông tin và ứng dụng lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp vào đời sống.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Nhận biết các yếu tố môi trường kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn; vận dụng được các kiến thức có liên quan đến chủ trương, chính sách phát triển kinh tế- xã hội của nhà nước vào các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Vận dụng tốt các nguyên tắc, qui định, và phương pháp tổ chức hoạt động kinh doanh nói chung, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

- Hiểu các qui trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn; phân tích, đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong việc tổ chức quản lý sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

1.2.2. Kỹ năng:

- Tổ chức, quản lý, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp

- Thực hiện phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh làm cơ sở xây dựng các dự án đầu tư trung và ngắn hạn cho doanh nghiệp nông nghiệp.

- Lập được kế hoạch kinh doanh; có khả năng quản lý các doanh nghiệp, và các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản; tổ chức thu mua, cung ứng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tham gia hoặc tự tổ chức nghiên cứu thị trường, tổ chức hoạt động marketing nông nghiệp và thành thạo trong việc khai thác và sử dụng thông tin thương mại hàng hóa nông sản và dịch vụ tiêu dùng trong nông nghiệp, nông thôn.

- Có khả năng quan hệ công chúng và giao tiếp tốt; đàm phán hiệu quả trong kinh doanh và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ nông nghiệp.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Luôn tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước.

- Thường xuyên đấu tranh chống lại các biểu hiện vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế, tài chính của đơn vị.

- Có tinh thần tự chủ, trung thực, có tác phong làm việc cẩn thận và chính xác trong công việc.

- Có sức khỏe tốt để đảm nhận các công việc được giao.

- Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cao với cộng đồng.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Quản lý và kinh doanh nông nghiệp có thể làm việc ở các loại hình doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình có liên quan đến hoạt động kinh doanh nông nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước hoặc có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp tục liên thông lên các bậc học cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 29 môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ (không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1470 giờ (60 TC)

- Khối lượng lý thuyết: 690 giờ

- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1215 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC108	Giáo dục Chính trị 1	2	30	20	8	2

CMC205	Giáo dục Chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC109	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
CMC207	Tiếng Anh 2	3	75	27	44	4
CXH101	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
II	Các môn học chuyên môn	60	1470	464	960	46
II.1	Môn học cơ sở	19	375	177	180	18
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CST102	Marketing căn bản	2	45	13	30	2
CKD205	Nguyên lý thống kê	2	45	13	30	2
CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
CKD411	Quản trị thương hiệu	2	45	13	30	2
CNN405	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	43	0	2
CNN201	Đàm phán trong kinh doanh	2	45	13	30	2
II.2	Môn học chuyên môn	30	750	233	495	22
CNN401	Công nghệ bảo quản và chế biến nông-lâm-thủy sản	3	45	42	0	3
CNN302	Tổ chức sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp	3	45	42	0	3
CNN404	Thương mại nông nghiệp	2	45	13	30	2
CKD601	Quản trị sản xuất	3	60	28	30	2
CLG603	Quản trị chất lượng	2	45	13	30	2
CNN305	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	28	0	2
CNN502	Kiểm nghiệm sau thu hoạch	3	60	27	30	3
CNN306	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	3	60	27	30	3
CNN301	Kinh tế nông hộ và trang trại	2	45	13	30	2
CNN504	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	180	0

CNN601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
II.3	Môn học tự chọn	6	120	54	60	6
CNN406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	13	30	2
CNN503	Phân tích chính sách nông nghiệp	2	45	13	30	2
CKD503	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	28	0	2
CKD404	Tâm lý học quản trị	2	30	28	0	2
CTM406	Anh văn thương mại	2	45	13	30	2
CTH408	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng		80	1905	621	1215	69

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG